

**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (Số 1)***LIST OF ACCREDITED TESTS (No 1)*

*(Kèm theo Quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ-VPCNCLOG
ngày tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)*

Tên phòng thí nghiệm:	Phòng thí nghiệm Cao áp
<i>Laboratory:</i>	<i>High voltage Testing Laboratory</i>
Tổ chức/Cơ quan chủ quản:	Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc
<i>Organization:</i>	<i>Northern Electrical Testing one member Company Limited</i>
Số hiệu/ Code:	VILAS 272
Chuẩn mực công nhận	ISO/IEC 17025:2017
<i>Accreditation criteria</i>	
Lĩnh vực	Điện- Điện tử
<i>Field</i>	<i>Electrical – Electronic</i>
Người quản lý	Nguyễn Quang Khanh
<i>Laboratory manager</i>	<i>Nguyen Quang Khanh</i>
Hiệu lực công nhận/	Kể từ ngày /11/2025 đến ngày 28/11/2030
<i>Period of Validation:</i>	
Địa chỉ / Address:	465 Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội 465 Nguyen Van Linh Street, Phuc Loi Ward, Hanoi City
Địa điểm / Location:	465 Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội 465 Nguyen Van Linh Street, Phuc Loi Ward, Hanoi City
Điện thoại/ Tel:	0243 8759361
E-mail:	
Website	npcetc.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (Số 1)*LIST OF ACCREDITED TESTS (No 1)***VILAS 272****Phòng thí nghiệm Cao áp/ High voltage Testing Laboratory****Lĩnh vực thử nghiệm: Điện - Điện tử***Field of Testing: Electrical – Electronic*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Máy biến áp điện lực (x) <i>Power Transformer</i>	Đo điện trở cách điện các cuộn dây, các sứ đầu vào <i>Measurement of insulation resistances</i>	R: đến/ to 1000 GΩ U: (250~5000) VDC	QCVN QTĐ-5: 2009/BCT - điều/clause 27 & IEEE C57.152-2013
2.		Đo điện trở một chiều của các cuộn dây ở tất cả các nấc phân thế <i>Measurement of winding resistances at all tapes</i>	1μΩ ~ 2000 Ω	IEC 60076-1:2011 & IEEE C57.152-2013
3.		Đo điện dung và tổn hao điện môi tổn của các cuộn dây <i>Measurement of capacitance and dissipation factor tgδ of windings</i>	Tgδ: đến/ to 200 % C: đến/ to 2,7 μF	IEC 60076-1:2011
4.		Kiểm tra tỷ số biến các cuộn dây ở tất cả các nấc phân thế và tổ đấu dây <i>Check voltage ratio and phase relationship</i>	0,8 ~ 15000	IEEE C57.152-2013
5.		Thử điện áp chịu đựng xoay chiều nguồn riêng <i>Separate source AC withstand/or applied-voltage test</i>	(2,4 ~ 500) kV	IEC 60076-3:2013 + AMD1:2018 & IEC 60060-1:2010 & IEC 60060-2:2010 & IEC 60060-3:2006
6.		Đo độ ồn <i>Measurement of sound level</i>	(20 ~ 140) dB	IEC 60076-10: 2016 & IEC 60076-10-1:2016 +AMD1:2020
7.		Thử điện áp AC cảm ứng <i>Induced voltage test</i>	U: (230 ~ 4200) V/ (1 ~ 500) kV f: (100 ~ 200) Hz (30 ~ 300) Hz	IEC 60076-3:2013 +AMD1:2018 & IEC 60060-1:2010 & IEC 60060-2:2010 & IEC 60060-3:2006
8.	Máy biến điện áp điện lực (x) <i>Power Transformer</i>	Thử điện áp xung sét dạng sóng 1.2μs/50 μs <i>Lightning Impulse - 1.2μs/50 μs</i>	(40 ~ 400) kV / (80 ~ 800) kV	IEC 60076-3:2013 +AMD1:2018 & IEC 60076-4: 2002 & IEC 60060-1:2010 & IEC 60060-2:2010

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (Số 1)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 1)

VILAS 272

Phòng thí nghiệm Cao áp/ High voltage Testing Laboratory

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
9.	Máy biến điện áp điện lực (x) Power Transformer	Thử đáp ứng tần số điện môi <i>Dielectric Frequency Response test</i>	C: 10 pF ~ 100 μ F Tan δ : đến/ to: 100 %	IEEE Std C57.161-2018
10.		Thử độ tăng nhiệt <i>Temperature rise test</i>	đến/ to: 150 °C	IEC 60076-2:2011
11.		Đo tổng tổn thất (không tải và ngắn mạch) <i>Measurement of Total losses (the sum of the no-load loss and the load loss)</i>	I: Đến/to: 500A U: Đến/to: 4200V F: 50Hz/60Hz	IEC 60076-1:2011
12.	Cáp điện lực (x) Cable	Đo điện trở cách điện trước và sau khi thử cao áp <i>Measurement of insulation resistance before and after high voltage test</i>	R: đến/to: 1000 G Ω U: (250~ 5000) VDC	QCVN QTD 5:2009/BCT- điều/ clause 23
13.		Thử cao áp một chiều màn chắn <i>DC withstand voltage test of the oversheath</i>	Đến/to: 200 kV	IEC 60502-2:2014 & IEC 60229:2007
14.		Thử cao áp một chiều phần cách điện (PVC, EPR, HEPR, XLPE) <i>DC high voltage test of insulator (PVC, EPR, HEPR, XLPE)</i>	Đến/to: 200 kV	IEC 60502-2:2021 IEC 60502-2:2014
15.		Thử cao áp xoay chiều <i>Power frequency withstand voltage test</i>	Đến/to: 500 kV	IEC 62067:2022 RLV IEC 60840:2020 RLV IEC 60502-1:2021 RLV IEC 60502-2:2014 RLV
16.	Máy cắt điện xoay chiều, recloser sử dụng trên lưới điện cấp điện áp lớn hơn 1kV (x) AC Circuit breakers and recloser, operation on systems having voltages above 1kV	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistances</i>	R: đến/ to 1000 G Ω U: 250 ~ 5000 VDC	QCVN QTD-5: 2009/BCT - Điều/ clause 32, 33
17.		Đo thời gian tác động <i>Measurement of the operating time</i>	1 ms ~ 10 s	IEC 62271-100 : 2021
18.		Đo điện trở tiếp xúc các tiếp điểm chính bằng dòng điện một chiều <i>Measurement of main contact resistances with DC current</i>	đến/ to: 1999 $\mu\Omega$	IEC 62271-1 : 2017 & IEC 62271-100 : 2021 IEC 62271-111 : 2019
19.		Thử điện áp xoay chiều tần số công nghiệp <i>Power-frequency voltage test</i>	UAC: (1 ~ 500) kV	IEC 62271-1 : 2017 & IEC 62271-100 : 2021 IEC 62271-111 : 2019

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (Số 1)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 1)

VILAS 272

Phòng thí nghiệm Cao áp/ High voltage Testing Laboratory

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
20.	Hệ thống tiếp địa (x) Earthing System	Đo điện trở tiếp địa trạm biến áp <i>Measurement of the earthing resistance of the Transformer substation</i>	0,01Ω -19,99 kΩ;	IEEE Std 81-2012
21.	Máy điện quay (x) Rotating Electrical Machines	Đo điện trở cách điện của cuộn dây <i>Measurement of insulation resistances of the winding</i>	R: đến/ to 1000 GΩ U: (250 ~ 5000) VDC	IEC 60034-27-4: 2018 QCVN QTD-5: 2009/BCT – điều/ clause 79
22.		Đo điện trở của cuộn dây bằng dòng một chiều <i>Measurement of winding resistance with DC current</i>	1 μΩ ~ 2000 Ω	IEC 60034-1: 2022 & IEC 60034-2-1: 2014
23.		Thử nghiệm điện áp xoay chiều <i>Power frequency withstand voltage test</i>	đến/ to 55 kV	IEC 60034-1: 2022
24.	Máy biến dòng điện kiểu cảm ứng, tần số 15 Hz ~ 100 Hz (x) Inductive current transformer, frequencies from 15 Hz ~ 100 Hz	Đo điện trở cách điện các cuộn dây đối với vỏ <i>Measurement of insulation resistances</i>	R: đến/ to 1000 GΩ U: (250 ~ 5000) VDC	QCVN QTD-5: 2009/BCT - điều/ clause 29
25.		Đo điện trở của cuộn dây bằng dòng một chiều <i>Measurement of winding resistance with DC current</i>	1 μΩ ~ 2000 Ω	IEC 61869-1:2007 & IEC 61869-2:2012
26.		Kiểm tra tỷ số biến và cực tính <i>Ratio tests and polarity check</i>	0,8 ~15000	IEEE C57.13.1 2017
27.		Kiểm tra đặc tính từ hoá <i>Exciting curve check</i>	U: đến/ to 2000 VAC I: đến/ to 1,2 A	IEEE C57.13.1 2017
28.		Thử nghiệm điện áp xoay chiều <i>Power-frequency voltage withstand test</i>	đến/ to: 500 kV	IEC 61869-1:2007 & IEC 61869-2:2012
29.		Đo điện dung và tổn hao điện môi tổn hao với CT có Ur ≥ 35 kV <i>Measurement of capacitance and dissipation factor (tgδ) (Applied to the CT with Ur ≥ 35 kV)</i>	Tgδ: đến/ to 200 % C: 0 ~ 2,7 μF	IEC 61869-1:2007 IEC 61869-2:2012
30.		Thử độ tăng nhiệt <i>Temperature rise test</i>	(0,1~ 800)°C	IEC 61869-1:2007 & IEC 61869-2:2012

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (Số 1)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 1)

VILAS 272

Phòng thí nghiệm Cao áp/ High voltage Testing Laboratory

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
31.	Máy biến dòng điện kiểu cảm ứng, tần số 15 Hz ~ 100 Hz (x) <i>Inductive current transformer, frequencies from 15 Hz ~ 100 Hz</i>	Thử điện áp xung sét dạng sóng 1.2μs/50 μs <i>Lightning Impulse test - 1.2μs/50 μs</i>	(40~400) kV / (80~800) kV	IEC 61869-1:2007 & IEC 61869-2:2012
32.		Thử phóng điện cục bộ <i>Partial discharge measure test</i>	(1~100000) pC	IEC 61869-1:2007 IEC 60270:2000 +AMD1:2015
33.		Thử quá điện áp vòng dây <i>Inter-turn overvoltage test</i>	(0,01~10) kV peak	IEC 61869-2:2012
34.	Máy biến điện áp, tần số 15 Hz ~ 100 Hz (x) <i>Voltage transformer, frequencies from 15 Hz ~ 100 Hz</i>	Đo điện trở cách điện các cuộn dây đối với vỏ <i>Measurement of insulation resistances between windings and ground.</i>	R: đến/ to 1000 GΩ U: (250 ~ 5000) VDC	QCVN QTĐ-5: 2009/BCT - điều/ clause 28
35.		Kiểm tra tỷ số biến và cực tính <i>Ratio and polarity check</i>	0,8 ~ 15000	IEC 61869-3:2011 IEC 61869-5:2011
36.		Đo điện áp cảm ứng <i>Measurement of Induced voltage</i>	U: đến/ to 650 V	IEC 61869-3:2011
37.		Đo điện dung và tổn hao điện môi tổn hao đối với máy biến điện áp kiểu tụ <i>Measurement of capacitance and dissipation factor (tgδ) - Capacitor Voltage transformer</i>	Tgδ: đến/ to 200 % C: đến/ to 2,7 μF	IEC 61869-3:2011 IEC 61869-5:2011
38.		Đo điện trở một chiều <i>Measurement of DC resistance</i>	320 μΩ ~ 32 kΩ	IEEE Std C57.13-2016
39.		Thử độ tăng nhiệt <i>Temperature rise test</i>	(0,1 ~ 800)°C	IEC 61869-3:2011 IEC 61869-1:2007
40.		Thử điện áp xung sét dạng sóng 1.2μs/50 μs <i>Lightning Impulse test- 1.2μs/50 μs</i>	U: (40~400) kV / U: (80~800) kV	IEC 61869-1:2007 IEC 61869-3:2011 IEC 61869-5:2011
41.		Đo phóng điện cục bộ <i>Measurement of Partial discharge</i>	(1 ~ 100000) pC	IEC 61869-1:2007 IEC 61869-3:2011 IEC 60270:2000 +AMD1:2015

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (Số 1)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 1)

VILAS 272

Phòng thí nghiệm Cao áp/ High voltage Testing Laboratory

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
42.	Cách điện của cáp <i>Insulation of power cables</i>	Thử xung: điện áp xung dạng sóng 1,2/50 (giữa 1 đến 5 μ s và thời gian nửa biên độ giá trị đỉnh khoảng 40 đến 60 μ s) <i>Impulse test: the impulse voltage wave 1,2/50 (between 1 μs and 5 μs and a nominal time to half the peak value between 40 μs and 60 μs)</i>	U: (10 ~ 400) kV	IEC 60230:2018 +AMD1:2021
43.	Chống sét van ô xít kim loại không có khe hở sử dụng trong hệ thống điện xoay chiều lớn hơn 1kV (x) <i>Metal-oxide surge arresters without gaps for AC systems above 1 kV</i>	Thử điện áp dư tại xung dòng 8 μ s/20 μ s <i>Residual Voltage test at lightning current impulse 8μs/20μs</i>	Uresidual: (40 ~ 400) kV In: (0,2 ~ 20) kA	IEC 60099-4:2014 IEC 60099-5:2018
44.		Thử xung điện áp 1,2 μ s / 50 μ s cho vỏ chống sét <i>Lightning Impulse test on the arrester housing</i>	U: (40~400) kV / U: (80~800) kV	IEC 60099-4:2014
45.		Đo điện áp tham chiếu, Uref <i>Measurement of reference voltage, Uref</i>	(0,01 ~ 200) kV	IEC 60099-4:2014
46.		Đo dòng điện rò (dòng tổng và dòng điện trở) tại điện áp vận hành liên tục Uc <i>Measurement of Leakage current (total, resistive) of continuous operating voltage</i>	I: 5 μ A ~ 100 mA U: (0,01 ~ 120) kV	IEC 60099-5:2018
47.	Cách điện thủy tinh cho thanh cái, đường dây trên không. <i>Glass insulator for overhead and bus bar</i>	Thử sốc nhiệt <i>Thermal shock test</i>	Khí nóng/Hot air Tmôi trường: đến/ to 300°C, Bể nước: T $\leq$ 50°C	IEC 60383-1:1993
48.		Đo kích thước (chiều dài đường rò, đường kính tán cách điện, chiều cao, đường kính trục liên kết) <i>Measurement of dimensional (Spacing, Diameter, Creepage istance,height, Coupling diameter)</i>	(0,01~5000) mm	IEC 60305:2021 RLV
49.		Thử điện áp xung sét dạng sóng 1,2 μ s/50 μ s <i>Lightning Impulse voltage test– 1,2μs/50μs</i>	U: (40~400) kV / U: (80~800) kV	IEC 60383-1:1993 & IEC 60060-1:2010 & IEC 60060-2:2010 IEC 61211: 2004

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (Số 1)*LIST OF ACCREDITED TESTS (No 1)***VILAS 272****Phòng thí nghiệm Cao áp/ High voltage Testing Laboratory**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
50.	Cách điện thủy tinh cho thanh cái, đường dây trên không.	Thử điện áp xoay chiều tăng cao tần số công nghiệp: thử nghiệm chịu đựng trạng thái khô / ướt , thử nghiệm đánh thủng. <i>Power frequency withstanding voltage: dry and wet test, fucture test.</i>	U: (1~500) kV	IEC 60060-1:2010 & IEC 60060-2:2010 & IEC 60060-3:2006 IEC 60383-1:1993 & IEC 60383-2:1993
51.	Glass insulator for overhead and bus bar	Đo chiều dày lớp mạ <i>Measurement of Coating thickness</i>	đến/ to: 1500 μm	IEC 60383-1:1993 IEC 60168:1994 +AMD1:1997 +AMD2:2000 CSV
52.	Cách điện gốm cho thanh cái, đường dây trên không. Ceramic insulator for overhead and bus bar	Đo kích thước (chiều dài đường rò, đường kính các tán cách điện, chiều cao, đường kính trục liên kết) <i>Measurement of Dimensional (Creepage Distance, Diameter, height, Coupling diameter)</i>	(0,01~5000) mm	IEC 60305:2021 RLV IEC 60168:1994 +AMD1:1997 +AMD2:2000
53.		Thử điện áp xung sét dạng sóng 1.2 μs /50 μs <i>Lightning Impulse test –1.2μs/50μs</i>	U: (40~400)kV / U: (80~800)kV	IEC 60383-1:1993 IEC 60168:1994 +AMD1:1997 +AMD2:2000 IEC 61211: 2004 IEC 60060-1:2010 & IEC 60060-2:2010
54.		Thử điện áp xoay chiều tăng cao tần số công nghiệp: thử nghiệm chịu đựng trạng thái khô / ướt, thử nghiệm đánh thủng. <i>Power frequency withstanding voltage: dry and wet test, fucture test.</i>	U: (1~500)kV	IEC 60060-1:2010 & IEC 60060-2:2010 & IEC 60060-3:2006 IEC 60383-1:1993 & IEC 60383-2:1993 IEC 60168:1994 +AMD1:1997 +AMD2:2000
55.		Đo chiều dày lớp mạ <i>Measurement of coating thickness</i>	đến/ to: 1500 μm	IEC 60168:1994 +AMD1:1997 +AMD2:2000 CSV IEC 60383-1:1993

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (Số 1)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 1)

VILAS 272

Phòng thí nghiệm Cao áp/ *High voltage Testing Laboratory*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
56.		Đo kích thước (chiều dài đường rò, đường kính các tán cách điện, chiều cao) <i>Dimensional measurement (Spacing, Diameter, Creepage Distance)</i>	(0,01~5000) mm	IEC 62217: 2012 IEC 61109: 2008
57.	Cách điện bằng polyme, composite cho thanh cái, đường dây trên không <i>Polymeric, composite insulator for overhead and bus bar</i>	Thử điện áp xung sét dạng sóng 1.2μs/50μs <i>Lightning Impulse voltage test – 1.2μs/50μs</i>	U: (40~400)kV / U: (80~800)kV	IEC 61109: 2008 IEC 60060-1:2010 & IEC 60060-2:2010 IEC 61952: 2008 & IEC 60383-1:1993
58.		Thử điện áp xoay chiều tăng cao tần số công nghiệp trạng thái khô/ ướt, tham chiếu điện áp phóng điện bề mặt khô. <i>Power frequency withstanding voltage dry and wet test, reference dry power frequency external flashover voltage.</i>	U: (1~500) kV	IEC 60060-1:2010 & IEC 60060-2:2010 & IEC 60060-3:2006 IEC 61952: 2008 & IEC 60383-1:1993 IEC 61109: 2008 IEC 62217: 2012
59.		Đo chiều dày lớp mạ <i>Coating thickness measurement</i>	đến/ to: 1500 μm	IEC 61109: 2008 IEC 61952: 2008 IEC 60383-1:1993
60.	Máy biến áp điện lực, cuộn kháng (x) <i>Power transformer- reactors</i>	Phân tích đáp ứng tần số quét <i>Sweep frequency response analysis</i>	10 Hz ~10 MHz (-90 ~ 100) dB (0,1 ~ 12) Vpp	IEC 60076-18: 2012 IEEE C57.149-2012
61.	Cách điện xuyên cho lưới điện cao áp xoay chiều (x) <i>Insulated bushings for alternating voltages above 1000 V</i>	Đo điện dung và tổn hao điện môi tgδ <i>Measurement of capacitance and dissipation factor tgδ of bushings</i>	Tgδ: đến/ to 200 % C: đến/ to 2,7 μF	IEC 60137: 2017 RLV

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (Số 1)*LIST OF ACCREDITED TESTS (No 1)***VILAS 272****Phòng thí nghiệm Cao áp/ High voltage Testing Laboratory**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
62.	Cầu chì tự rơi, cầu chì tự rơi cắt tải <i>Fuse cut out, load break fuse cut out</i>	Thử chịu điện áp ở tần số nguồn (điều kiện khô, ướt) <i>Power frequency withstand voltage test (Dry/ Wet condition)</i>	Đến/ To 70 kV	IEC 60282-22008 IEEE C37.42-2016 TCCS 09: 2021 NPCETC.CA/QT.05 (2023)
63.		Thử điện áp chịu đựng xung sét <i>Lightning impulse test</i>	Đến/ To 170 kV	NPCETC.CA/QT.05 (2023)
64.		Xác định chiều dày lớp mạ <i>Determination of Zinc thickness</i>	Đến/ To 300 μ m	
65.		Kiểm tra kích thước của cách điện <i>Check the dimension of the insulation</i>	Đến/ To 2 m	IEC 60282:2020 IEEE C37.42-2016 TCCS 09: 2021 NPCETC.CA/QT.05 (2023)
66.	Thanh cái (x) <i>Bus bar</i>	Thử điện áp xoay chiều tăng cao <i>Power frequency withstand voltage test</i>	Đến/ To 240 kV	IEC 61439-6:2012
67.	Dao cách ly (x) <i>Disconnecter</i>	Đo điện trở tiếp xúc <i>Measurement of main contact resistance</i>	Đến/ To 19,99 m Ω	IEC 62271-102:2022 EXV
68.		Thử điện áp xoay chiều tăng cao <i>Power frequency withstand voltage test</i>	Đến/ To 240 kV	IEC 62271-102:2022 EXV

Ghi chú / Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnam Standard*
- QCVN: Quy chuẩn Việt Nam/ *Technical Regulation*
- IEC: Ủy ban kỹ thuật điện Quốc tế/ *International Electrotechnical Commission*
- IEEE: The Institute of Electrical and Electronics Engineers
- NPCETC.CA/QT..., TCCS...: Phương pháp do phòng thí nghiệm xây dựng/ *Laboratory developed method*

Trường hợp Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *If It is mandatory for the Northern Electrical Testing one member Company Limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

